

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 33</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch	Bầu ngày 25 tháng 12 năm 2015
Ông Mai Văn Tân	Ủy viên	Bầu ngày 25 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Công Đệ	Ủy viên	Bầu ngày 25 tháng 12 năm 2015

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Tân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2016
Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2016

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

---

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

*Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017*



**Mai Văn Tân**

Số: 21.../2017/BCKT-TC2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 17 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn**  
**Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Phó Giám đốc****Kiểm toán viên****Đỗ Ngọc Vương****Mai Văn Công**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

**Headquarters**29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn**Branch in Hanoi**Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,  
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44  
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.456.693.619</b>	<b>56.450.118.716</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>10.336.108.216</b>	<b>9.652.292.206</b>
1.	Tiền	111		10.336.108.216	6.652.292.206
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.088.122.378</b>	<b>35.906.951.522</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	32.976.806.430	32.954.285.628
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.750.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.053.565.948	2.952.665.894
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>6.032.463.025</b>	<b>10.890.874.988</b>
1.	Hàng tồn kho	141		6.032.463.025	10.890.874.988
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.365.374.015</b>	<b>15.300.717.540</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.032.049.515</b>	<b>11.481.359.799</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	10.032.049.515	11.481.359.799
	- Nguyên giá	222		22.366.379.152	22.366.379.152
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.334.329.637)	(10.885.019.353)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.333.324.500</b>	<b>3.819.357.741</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	3.333.324.500	3.819.357.741
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>65.822.067.634</b>	<b>71.750.836.256</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.281.585.233</b>	<b>57.022.359.565</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.330.990.573</b>	<b>42.685.512.005</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	16.804.198.651	10.084.457.888
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	500.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	2.395.006.585	3.200.576.394
4.	Phải trả người lao động	314		16.811.946.201	17.545.276.816
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	105.000.000	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	2.524.769.764
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	5.266.906.974	6.471.863.081
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.932.162	2.358.568.062
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.950.594.660</b>	<b>14.336.847.560</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.11	1.799.394.660	14.120.847.560
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.07	151.200.000	216.000.000
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.12</b>	<b>21.540.482.401</b>	<b>14.728.476.691</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>21.540.482.401</b>	<b>14.728.476.691</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	7.160.247.863
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	7.160.247.863
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	7.568.228.828
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.480.482.401	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.480.482.401	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>65.822.067.634</b>	<b>71.750.836.256</b>

Người lập biểu



Trần Quốc Nguyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017



Giám đốc

Mai Văn Tân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	126.854.518.623	123.816.750.926
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.854.518.623	123.816.750.926
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	110.986.668.899	110.498.569.828
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.867.849.724	13.318.181.098
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	772.838.687	662.694.917
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	14.871.451	20.034.000
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.871.451	20.034.000
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	534.118.469	535.492.886
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	11.665.562.283	10.145.328.798
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.426.136.208	3.280.020.331
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	776.013	58.981.455
12.	Chi phí khác	32	VI.06	61.047.376	245.953.331
13.	Lợi nhuận khác	40		(60.271.363)	(186.971.876)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.365.864.845	3.093.048.455
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	885.382.444	734.580.393
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.480.482.401	2.358.468.062
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.927	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.927	Không áp dụng

Người lập biểu



Trần Quốc Nguyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017



Giám đốc



Mai Văn Tân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		139.517.449.683	126.678.792.507
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.963.663.853)	(36.859.752.331)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(56.464.812.260)	(14.649.341.362)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(14.871.451)	(20.034.000)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(584.580.393)	(1.173.240.313)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.862.786.749	4.833.199.221
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.376.531.152)	(83.928.686.504)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(24.222.677)</b>	<b>(5.119.062.782)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		772.838.687	662.694.917
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>772.838.687</b>	<b>662.694.917</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(64.800.000)	(70.200.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(64.800.000)</b>	<b>(70.200.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>683.816.010</b>	<b>(4.526.567.865)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>9.652.292.206</b>	<b>14.178.860.071</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>10.336.108.216</b>	<b>9.652.292.206</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Giám đốc





Trần Quốc Nguyên

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2016

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính bắt đầu từ ngày 08 tháng 01 năm 2016 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty kể từ thời điểm chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	78.060.950	61.106.135
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.258.047.266	6.591.186.071
- Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.336.108.216</b>	<b>9.652.292.206</b>

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>32.976.806.430</b>	<b>32.954.285.628</b>
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	3.520.901.300	4.520.901.300
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	13.608.396.180	15.017.440.247
- Công ty CP Công trình 875	4.134.991.000	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	3.686.185.000	3.118.389.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	2.715.332.000	2.715.332.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.311.000.950	7.582.223.081
<b>Cộng</b>	<b>32.976.806.430</b>	<b>32.954.285.628</b>

**b. Các bên liên quan**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.026.583.180	20.851.161.247
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	13.608.396.180	15.017.440.247
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	3.686.185.000	3.118.389.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	2.715.332.000	2.715.332.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	1.016.670.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.026.583.180</b>	<b>20.851.161.247</b>

**03. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.053.565.948</b>	-	<b>2.952.665.894</b>	-
- Phải thu về cổ phần hoá	500.000.000	-	500.000.000	-
- Tạm ứng	861.399.200	-	1.184.172.200	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	97.577.350	-	338.613.650	-
- Phải thu khác	1.594.589.398	-	929.880.044	-
+ Phải thu CBCNV - BHXH	392.334.967	-	436.177.563	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	76.873.300	-	71.518.600	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	51.035.700	-	-	-
+ Phải thu CBCNV (Thuế TNCN)	93.526.299	-	206.166.628	-
+ Các khoản phải thu khác	980.819.132	-	216.017.253	-
<b>Cộng</b>	<b>3.053.565.948</b>	-	<b>2.952.665.894</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**04. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Nguyên liệu, vật liệu	2.664.945.173	-	2.710.593.197	-	
- Công cụ, dụng cụ	55.688.177	-	75.643.022	-	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.283.595.060	-	8.075.401.114	-	
- Thành phẩm	19.382.702	-	19.382.702	-	
- Hàng hóa	8.851.913	-	9.854.953	-	
<b>Cộng</b>	<b>6.032.463.025</b>	<b>-</b>	<b>10.890.874.988</b>	<b>-</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.498.998.983</b>	<b>2.658.921.696</b>	<b>9.172.572.109</b>	<b>35.886.364</b>	<b>22.366.379.152</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.498.998.983</b>	<b>2.658.921.696</b>	<b>9.172.572.109</b>	<b>35.886.364</b>	<b>22.366.379.152</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.746.743.493</b>	<b>1.872.993.484</b>	<b>3.236.829.613</b>	<b>28.452.763</b>	<b>10.885.019.353</b>
- Khấu hao trong năm	500.711.524	193.677.672	753.434.368	1.486.720	1.449.310.284
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.247.455.017</b>	<b>2.066.671.156</b>	<b>3.990.263.981</b>	<b>29.939.483</b>	<b>12.334.329.637</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>4.752.255.490</b>	<b>785.928.212</b>	<b>5.935.742.496</b>	<b>7.433.601</b>	<b>11.481.359.799</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.251.543.966</b>	<b>592.250.540</b>	<b>5.182.308.128</b>	<b>5.946.881</b>	<b>10.032.049.515</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí trả trước**

<i>Dài hạn</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>3.333.324.500</b>	<b>3.819.357.741</b>
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	151.282.541	216.117.913
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	135.440.137	193.874.724
- Giá trị lợi thế kinh doanh	3.046.601.822	3.385.113.136
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	24.251.968
<b>Cộng</b>	<b>3.333.324.500</b>	<b>3.819.357.741</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****07. Vay và nợ thuế tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	216.000.000	216.000.000	-	64.800.000	151.200.000	151.200.000	
- Từ 01 đến 05 năm	216.000.000	216.000.000	-	64.800.000	151.200.000	151.200.000	
+ Vay CBCNV Công ty (*)	216.000.000	216.000.000	-	64.800.000	151.200.000	151.200.000	
<b>Cộng</b>	<b>216.000.000</b>	<b>216.000.000</b>	<b>-</b>	<b>64.800.000</b>	<b>151.200.000</b>	<b>151.200.000</b>	

(\*) Các khoản vay cá nhân có thời hạn 05 năm kể từ ngày 10/07/2014, lãi suất bằng lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm. Mục đích của các khoản vay là để sửa chữa nhà hàng của Trung tâm dịch vụ văn hóa Thể thao Đường sắt. Thời hạn trả lãi vay và gốc theo yêu cầu rút gốc của từng cá nhân.

**08. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>16.804.198.651</b>	<b>16.804.198.651</b>	<b>10.084.457.888</b>	<b>10.084.457.888</b>	<b>10.084.457.888</b>
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	-	1.539.795.000	1.539.795.000	
- Công ty Chế biến Lâm sản Nghệ An	1.787.650.599	1.787.650.599	1.003.366.399	1.003.366.399	
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	2.579.710.950	2.579.710.950	923.513.204	923.513.204	
- Công ty Cổ phần Công trình 6	2.652.472.000	2.652.472.000	814.936.800	814.936.800	
- Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng	2.241.760.000	2.241.760.000	-	-	
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	4.867.965.305	4.867.965.305	-	-	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.674.639.797	2.674.639.797	5.802.846.485	5.802.846.485	
<b>Cộng</b>	<b>16.804.198.651</b>	<b>16.804.198.651</b>	<b>10.084.457.888</b>	<b>10.084.457.888</b>	<b>10.084.457.888</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn					
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	-	1.539.795.000	1.539.795.000	
- Công ty Cổ phần Công trình 6	2.652.472.000	2.652.472.000	814.936.800	814.936.800	
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	986.229.000	986.229.000	964.065.000	964.065.000	
- Công ty Cổ phần TTHH Đường sắt Đà Nẵng	-	-	507.404.000	507.404.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.638.701.000</b>	<b>3.638.701.000</b>	<b>3.826.200.800</b>	<b>3.826.200.800</b>	

**09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	2.436.750.141	12.875.321.045	13.615.712.573	-	1.696.358.613
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	305.209.247	885.382.444	584.580.393	-	606.011.298
- Thuế thu nhập cá nhân	-	205.277.003	93.526.299	206.166.628	-	92.636.674
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	690.251.076	690.251.076	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	253.340.003	6.000.000	259.340.003	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.200.576.394</b>	<b>14.550.480.864</b>	<b>15.356.050.673</b>	<b>-</b>	<b>2.395.006.585</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>105.000.000</b>	-
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>105.000.000</b>	-

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.266.906.974</b>	<b>6.471.863.081</b>
- Kinh phí công đoàn	-	125.849.812
- Phải trả về cổ phần hoá	698.367.836	5.673.092.126
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.568.539.138	672.921.143
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	4.437.291.138	-
+ Các đối tượng khác	131.248.000	672.921.143
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.799.394.660</b>	<b>14.120.847.560</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.799.394.660	14.120.847.560
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.799.394.660	14.120.847.560
<b>Cộng</b>	<b>7.066.301.634</b>	<b>20.592.710.641</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn ĐT XDCB	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>8.813.619.627</b>	-	<b>1.533.087.361</b>	-	<b>30.262.168</b>	<b>10.376.969.156</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	7.568.228.828	-	-	-	7.568.228.828
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.358.468.062	-	2.358.468.062
- Tăng khác	381.059.004	-	-	-	-	381.059.004
- Giảm vốn trong năm trước	(2.034.430.768)	-	-	-	-	(2.034.430.768)
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(2.358.468.062)	-	(2.358.468.062)
- Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty	-	-	(1.533.087.361)	-	(30.262.168)	(1.563.349.529)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>7.160.247.863</b>	<b>7.568.228.828</b>	-	-	-	<b>14.728.476.691</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>7.160.247.863</b>	<b>7.568.228.828</b>	-	-	-	<b>14.728.476.691</b>
- Tăng vốn trong năm nay	10.899.752.137	-	-	-	-	10.899.752.137
- Lãi trong năm nay	-	-	-	3.480.482.401	-	3.480.482.401
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	(7.568.228.828)	-	-	-	(7.568.228.828)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>18.060.000.000</b>	-	-	<b>3.480.482.401</b>	-	<b>21.540.482.401</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	7.160.247.863	100%
- Các cổ đông khác (Chủ sở hữu khác)	8.849.400.000	49%	-	0%
<b>Cộng</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>7.160.247.863</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	7.160.247.863	8.813.619.627
+ Vốn góp tăng trong năm	10.899.752.137	381.059.004
+ Vốn góp giảm trong năm	-	2.034.430.768
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	7.160.247.863
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.358.468.062
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	2.358.468.062

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**13. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam**

Tên vật tư, quy cách	Số cuối năm		
	Đơn vị tính	Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Lập lách P30 PL	Bộ	292	8.176
Bulon mối P43 PL	Cái	7.738	4.851
Tà vệt sắt ghi PL	Thanh	15	450
Ray khúc P24 PL	Mét	2	80
Ray khúc P43 PL	Mét	84,5	3.379
Núm ray P30 PL	Mét	5,3	74
Đế ray P30 PL	Mét	11	147
Núm ray P43 PL	Mét	119,45	2.389
Đế ray P43 PL	Mét	23,00	460
Phụ kiện cóc K1 PL	Bộ	201,00	150



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Cọc các loại PL	Cái	162.338	48.701
Cụm cọc P30 PL	Bộ	3.281	984
Đỉnh Tiaraphong PL	Cái	19.716	8.872
Pulon cọc P30 , P43 PL	Cái	165.530	33.106
Đỉnh Cramphong PL	Cái	13.680	3.420
Bulon móc các loại PL	Cái	1.831	2.014
Bulon mối P30 PL	Cái	744	372
Thanh giằng ngang PL	Thanh	7	84
Thanh giằng cự ly PL	Thanh	50	550
Xà gỗ 7x10x2,5m PL	Cây	25	175
Cuốc chèn PL	Cái	41	144
Cửa sổ nhôm lá sách 1,5x2,8 PL	Bộ	1	5
Cửa sổ nhôm lá sách 1,3x2,3 PL	Bộ	2	9
Cửa sổ nhôm kính PL	Bộ	2	8
Khung sắt công 2,4x3,1 PL	Cái	1	35
Căn sắt C3+C4 PL	Cái	743	372
Xương ghi Tg 1/10 P43 Lxô PL	Bộ	10	41.000
Bulon TVBT PL	Cái	4.585	2.567
Ray hộ bánh P43x6,1m PL	Thanh	2	488
Bulon TVBT M22x60 PL	Cái	14	4
Lập lách P43+ phụ kiện PL	Bộ	1.376	41.280
Biển tĩnh không hỏng	Biển	1	3
Phụ kiện ĐH PL	Bộ	168	218
Ray P43 L=12,5m PL	Thanh	697	348.500
Tà vệt sắt SDL	Thanh	9.549	286.470
Đệm sắt PL	Tâm	55	220
Tà vệt BT (K1, K2, K3 + TLK)	Thanh	636	9.540
Lập lách P43 PL	Bộ	201	5.829
Tà vệt BT K3A PL	Thanh	46	690
Ray P43 cuppong L=6,25m PL	Thanh	10	2.500
Ray P30x12m PL	Thanh	8	2.688
Tâm ghi tg1/9 P50 PL	Cái	1	716
Ray P43 HB L=10m PL	Thanh	2	800
Ray P43 HB L=8m PL	Thanh	2	640
Ray P50 khúc mét PL	Mét	14,4	648
Pale thép 250 x 2,4 SDL	Trụ	6,0	3.000
Dầm I 910 L = 12,5 SDL	Dầm	4,0	14.900

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	115.541.431.348	111.329.657.016
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.313.087.275	12.487.093.910
<b>Cộng</b>	<b>126.854.518.623</b>	<b>123.816.750.926</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	115.859.755.265	105.548.490.692
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	112.169.997.991	96.226.819.781
+ Công trình sửa chữa định kỳ <500 triệu đồng	2.723.197.273	4.210.490.910
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	966.560.001	5.111.180.001
- Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	516.178.182	-
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	516.178.182	-
- Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	924.245.455	-
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	924.245.455	-
<b>02. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	100.996.177.878	98.100.666.090
Giá vốn của hoạt động xây dựng	9.990.491.021	12.397.903.738
<b>Cộng</b>	<b>110.986.668.899</b>	<b>110.498.569.828</b>
<b>03. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	772.838.687	662.694.917
<b>Cộng</b>	<b>772.838.687</b>	<b>662.694.917</b>
<b>04. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	14.871.451	20.034.000
<b>Cộng</b>	<b>14.871.451</b>	<b>20.034.000</b>
<b>05. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	58.981.455
- Các khoản thu nhập khác	776.013	-
<b>Cộng</b>	<b>776.013</b>	<b>58.981.455</b>
<b>06. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cắt giảm công trình	30.147.376	110.380.000
- Các khoản chi phí khác	30.900.000	135.573.331
<b>Cộng</b>	<b>61.047.376</b>	<b>245.953.331</b>
<b>07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>11.665.562.283</b>	<b>10.145.328.798</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.519.229.939	7.334.945.808
- Thuế, phí và lệ phí	418.685.216	135.518.944
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.727.647.128	2.674.864.046
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>534.118.469</b>	<b>535.492.886</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.118.469	535.492.886
<b>Cộng</b>	<b>12.199.680.752</b>	<b>10.680.821.684</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	885.382.444	734.580.393
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>885.382.444</u></b>	<b><u>734.580.393</u></b>

**(\*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.365.864.845	3.093.048.455
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	61.047.376	245.953.331
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.426.912.221	3.339.001.786
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>885.382.444</u></b>	<b><u>734.580.393</u></b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.480.482.401
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.927</u></b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.480.482.401
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.927</u></b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.289.648.493	36.577.775.764
- Chi phí nhân công	59.378.468.887	65.688.970.884
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.449.310.284	3.674.140.741
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.871.377.182	3.216.542.526
- Chi phí khác bằng tiền	13.405.738.751	11.999.376.280
<b>Cộng</b>	<b><u>118.394.543.597</u></b>	<b><u>121.156.806.195</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	1.717.466.298	2.302.001.826
<b>Cộng</b>	<b>1.717.466.298</b>	<b>2.302.001.826</b>

Đơn vị tính: VND

Quý lương, thù lao Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) trong năm:

	<b>Năm nay</b>
- Lương của Chủ tịch HDQT và thù lao thành viên HDQT	408.000.000
- Lương của trưởng BKS và thù lao thành viên BKS	220.800.000
<b>Cộng</b>	<b>628.800.000</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công trình 6	Công ty mẹ nắm giữ 15,89% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang	Công ty mẹ nắm giữ 44,44% vốn điều lệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
- Trả phí quản lý theo tỷ lệ doanh thu	2.019.059.964	1.732.082.755
- Mua vật tư	-	19.228.696.344
- Thuê máy móc	2.406.919.973	-
- Giảm chi phí quản lý thường xuyên	116.907.700	-
- Bồi thường vật chất	30.900.000	-
<b>Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt</b>		
- Mua vật tư	-	1.251.030.000
<b>Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa</b>		
- Thuê máy thi công đường sắt	-	1.539.795.000
<b>Công ty Cổ phần Công trình 6</b>		
- Mua vật tư	3.029.794.000	1.477.520.000
- Chi vận chuyển	199.726.000	-
<b>Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng</b>		
- Thi công công trình	-	889.629.000
<b>Công ty CP Đường sắt Hà Hải</b>		
- Thuê máy thi công đường sắt	8.193.636	36.053.823
<b>Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng</b>		
- Thuê máy chèn	896.571.818	964.065.000
<b>Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm</b>		
- Mua vật tư	-	68.522.300
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn</b>		
- Vận chuyển đá	587.250.000	349.200.000
<b>Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang</b>		
- Mua vật tư	1.013.359.088	805.035.000
- Thuê nhân công	-	95.280.000
<b>Trung tâm Y tế Đường sắt</b>		
- Khám sức khỏe định kỳ	118.000.000	155.500.000
<b>Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh</b>		
- Mua vật liệu thi công	484.872.338	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.08, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
+ Phải thu về cổ phần hóa	500.000.000	500.000.000
<b>Công nợ phải thu</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
+ Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	2.524.769.764
+ Phải trả về cổ phần hóa	698.367.836	5.673.092.126
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.437.291.138	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1.799.394.660	14.120.847.560
<b>Công nợ phải trả</b>	<b>6.935.053.634</b>	<b>22.318.709.450</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn đường sắt, dịch vụ nhà hàng, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, máy bay, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Đơn vị tính: VND	
		Xây dựng	Dịch vụ Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.313.087.275	115.541.431.348	126.854.518.623
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	10.961.921.397	111.466.461.018	122.428.382.415
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>351.165.878</b>	<b>4.074.970.330</b>	<b>4.426.136.208</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	129.251.791	1.320.058.493	1.449.310.284
<b>Số dư cuối năm nay</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.948.325.911	50.537.633.507	55.485.959.418
- Tài sản không phân bổ			10.336.108.216
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.948.325.911</b>	<b>50.537.633.507</b>	<b>65.822.067.634</b>
- Nợ phải trả bộ phận	3.864.563.947	39.469.089.124	43.333.653.071
- Nợ phải trả không phân bổ			947.932.162
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.864.563.947</b>	<b>39.469.089.124</b>	<b>44.281.585.233</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.336.108.216	-	9.652.292.206	-	10.336.108.216	9.652.292.206	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.571.395.828	-	33.884.165.672	-	34.571.395.828	33.884.165.672	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>44.907.504.044</b>	<b>-</b>	<b>43.536.457.878</b>	<b>-</b>	<b>44.907.504.044</b>	<b>43.536.457.878</b>	

**Giá trị sổ sách**

Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
16.804.198.651	10.084.457.888	16.804.198.651	10.084.457.888
151.200.000	216.000.000	151.200.000	216.000.000
105.000.000	-	105.000.000	-
6.367.933.798	14.793.768.703	6.367.933.798	14.793.768.703
<b>23.428.332.449</b>	<b>25.094.226.591</b>	<b>23.428.332.449</b>	<b>25.094.226.591</b>

**Nợ phải trả tài chính**Phải trả cho người bán  
Vay và nợ  
Chi phí phải trả  
Các khoản phải trả khác  
**Cộng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	16.804.198.651	-	-	16.804.198.651
Vay và nợ	-	151.200.000	-	151.200.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	4.568.539.138	1.799.394.660	-	6.367.933.798
<b>Cộng</b>	<b>21.477.737.789</b>	<b>1.950.594.660</b>	-	<b>23.428.332.449</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	10.084.457.888	-	-	10.084.457.888
Vay và nợ	-	216.000.000	-	216.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	672.921.143	14.120.847.560	-	14.793.768.703
<b>Cộng</b>	<b>10.757.379.031</b>	<b>14.336.847.560</b>	-	<b>25.094.226.591</b>

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình (nay là Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

**Trần Quốc Nguyên**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hồng Nhung**

Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



**Mai Văn Tân**

